

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2023/DS-ST**  
Ngày: 24-7-2023  
“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Phú Tra

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Hiếu;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 1061/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXX-ST ngày 12/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1102/2023/QĐST-DS ngày 29/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A.**

Địa chỉ: Đường ĐVB, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền khởi kiện: Bà Lương Hoàng Y – Chức vụ: Trưởng phòng Tổ tụng VPB SMBC FC.

Người đại diện tham gia tố tụng (Theo Giấy uỷ quyền đề ngày 05/4/2023): Ông Nguyễn Hoàng V sinh năm 1987; địa chỉ liên hệ: Đường, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: **Ông Phạm Minh S**, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Khu phố A, phường QT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

(Ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông S vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2022, các bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:***

Nguyên vào ngày 14/12/2019, ông Phạm Minh S có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hồ sơ: 38802705 (còn gọi là hợp đồng tín dụng số 20191214-0002946) với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng A1 (nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A) vay số tiền 31,650,000 đồng (Ba mươi một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) với lãi suất thoả thuận 3.33%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thoả thuận trong hợp đồng, ông Phạm Minh S có trách nhiệm thanh toán số tiền 40,122,335 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 14 tháng; 13 tháng đầu, mỗi tháng trả 2,866,000 đồng, tháng cuối cùng 2,864,335 đồng. Bắt đầu từ ngày 16/01/2020.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A 07 lần với tổng số tiền 20,146,000 đồng (bao gồm 14,017,523 đồng tiền gốc và 6,128,477 đồng tiền lãi). Kể từ ngày 20/07/2020 đến nay, ông Phạm Minh S không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Minh S thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 17,632,477 đồng.

Trả toàn bộ khoản nợ lãi: 2,343,858 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Minh S phải thanh toán là: 19,976,335 đồng (mười chín triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn, ba trăm ba mươi lăm đồng chẵn).

***- Bị đơn ông Phạm Minh S đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Các Giấy triệu tập làm việc, Thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định***

*đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng như nguyên đơn trình bày là đúng, việc ký kết hợp đồng tuân thủ đúng pháp luật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thoả thuận theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng là có căn cứ. Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp: Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A khởi kiện ông Phạm Minh S về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi phát sinh trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A là nguyên đơn; ông Phạm Minh S là bị đơn. Căn cứ khoản 14, 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 09/3/2023 tại Công an phường Quyết Thắng thể hiện ông Phạm Minh S có đăng ký thường trú và thực tế đang sinh sống tại số 108/15/1, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (bút lục 68). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng khác: Ông Phạm Minh S đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 02 các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa; đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 14/12/2019, Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A có cấp tín dụng cho ông Phạm Minh S theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hồ sơ: 38802705 (còn gọi là hợp đồng tín dụng số 20191214-0002946) với số tiền vay là 31,650,000 đồng (ba mươi một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) với lãi suất thoả thuận 3.33%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, bắt đầu trả nợ từ ngày 16/01/2020. Việc ký kết hợp đồng tín dụng trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ quy định của pháp luật về hình thức và nội dung, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao dịch.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S đã thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A 07 lần với tổng số tiền 20,146,000 đồng. Kể từ ngày 20/07/2020 đến nay, ông Phạm Minh S không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù nguyên đơn đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở để thu hồi nợ. Do ông Phạm Minh S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Minh S trả một lần cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ là: 19,976,335 đồng (mười chín triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn, ba trăm ba mươi lăm đồng chẵn), trong đó: nợ gốc: 17,632,477 đồng; nợ lãi: 2,343,858 đồng là có căn cứ chấp nhận. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông S đã được triệu tập hợp lệ để làm việc, cung cấp lời khai, cung cấp chứng cứ, yêu cầu phản tố (nếu có) nhằm bảo vệ cho quyền lợi hợp pháp của bị đơn, nhưng ông S vắng mặt là từ bỏ quyền của mình.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4]. Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 144, 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 274, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 401, và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90, 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A đối với bị đơn ông Phạm Minh S về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Phạm Minh S phải thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A số tiền 19,976,335 đồng (mười chín triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn, ba trăm ba mươi lăm đồng chẵn), trong đó: nợ gốc: 17,632,477 đồng; nợ lãi: 2,343,858 đồng.

2. Về án phí: Ông Phạm Minh S phải chịu 998,816 đồng (chín trăm chín mươi tám ngàn, tám trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí là 499,408 đồng (bốn trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm lẻ tám đồng) theo biên lai thu số 0005699 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- *Mẫu 52-NQ 01/2017.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký, đóng dấu)*

**Phạm Phú Tra**